

Bản án số: 764/2022/HS-PT

Ngày 10 – 10 – 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thanh

Các thẩm phán: Ông Phạm Văn Công

Bà Đinh Ngọc Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thanh Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Đảm – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 469/2022/TLPT-HS ngày 12 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Văn H do có kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Bị cáo bị kháng cáo:

Phạm Văn H (tên gọi khác: Út B), sinh năm 1978; Nơi cư trú: Ấp Long Ph, xã Tân K, huyện CG, tỉnh Long An; nghề nghiệp: Thợ điện; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Tấn Q và bà Phạm Thị V; có vợ là Nguyễn Thị Tuyết D và có 02 con, lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2019 đến ngày 16/9/2019 được tại ngoại; (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H: Ông Nguyễn Hòa B – Luật sư làm việc tại Văn phòng Luật sư Nguyễn Hòa B, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Long An, (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo:

+ *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An, *(có mặt)*;

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: Số 133/29, tổ 5, Khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An, *(có mặt)*;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn Lợi là bà Trần Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ: Bà Nguyễn Thị Xuân K – Luật sư làm việc tại Công ty Luật TNHH MTV Thuận H, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số 65/15 đường Phú Th, Phường 1, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, *(có mặt)*.

Ngoài ra, trong vụ án còn có người đại diện hợp pháp của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, có người làm chứng, Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 02/2018, Phạm Văn H, sinh năm 1978, hộ khẩu thường trú tại ấp Long Ph, xã Tân K, huyện CG, tỉnh Long An có vay của người chị của Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1989, hộ khẩu thường trú tại khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An, số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất, 04%/tháng, mà Đ bảo lãnh, H trả lãi được 03 tháng, 6.000.000 đồng. Sau đó, H không có khả năng trả tiếp, Đ đến nhà H 05 - 06 lần để đòi tiền nhưng H vẫn không trả.

Khoảng 18 giờ ngày 19/5/2019, sau khi đã có uống rượu, Nguyễn Tấn Đ trên đường về ghé cửa hàng bán bình ắc quy mua một bình nước acid loãng (02 lít) đựng trong bình nước rửa chén Mỹ Hảo về đến nhà gặp em ruột là Nguyễn Tấn L, sinh năm 1991 và Trương Tấn S, sinh năm 1988, cùng trú tại khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh Long An rủ đến nhà H đòi nợ. Khi đi, S điều khiển xe mô tô chở Đ, L chạy một mình, khi chạy đến gần UBND xã Tân K, Đ kêu S ghé tiệm tạp hóa mua 01 đôi găng tay bằng cao su màu cam, cả 03 chạy xe đến nhà H. Lúc này, khoảng 18 giờ 30 phút, H không có nhà, chỉ có vợ H là Nguyễn Thị Tuyết D cùng 02 con nhỏ và ông Đặng Văn C nhà ở ấp Tân Phú, xã Tân K, huyện CG đang ở nhà H. Đ lấy chai Mỹ Hảo đổ nước trong bình ra sân nói là acid đe dọa D để đòi tiền, Đ kêu D gọi điện kêu H về nhưng D không có điện. Khoảng 10 phút sau, H chạy xe mô tô về đậu trong nhà, rồi đi trở ra chỗ băng đá trước cửa nhà gặp Đ, Đ và H nói chuyện về việc H thiếu nợ tiền không trả. Vợ H đứng cạnh H ăm con nhỏ khoảng 05 phút thì vào nhà, H nói với Đ vào nhà nói

chuyện, H vào nhà thì chị D nói với H tụi nó có đem theo acid, H không nói gì mà đến đẩy xe mô tô để trống đường đi lại. Lúc này, Đ và L đi theo H vào nhà, tay phải cầm bình acid chưa mở nắp, chấp phía sau lưng, tay trái đẩy vào cổ H, L dùng hai tay đưa vào bụng H, đẩy H vào trong vách nhà, H bị đẩy vào gần sát vách nhà, thì phát hiện có con dao Thái Lan dài 33cm, cán nhựa màu đen dài 11,5cm, lưỡi bằng kim loại trắng, mũi nhọn dài 21,5cm để trên tấm ván, ngay chỗ H đứng, H dùng tay trái lấy con dao, chuyển qua tay phải, H đâm Đ một cái vào bụng, đâm tiếp một cái vào L, Đ bỏ bình acid xuống nền nhà, ôm bụng chạy ra sân, L cũng ôm bụng bỏ chạy ra sân, H chạy ra sân rút bỏ con dao bên hông nhà. L bị H đâm chạy ra sân bị té ngã, Đ và S đưa L đi cấp cứu nhưng đã tử vong, H sau khi gây án đi đến Công an xã Tân K đầu thú.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về tử thi số: 53/TT.NNK ngày 28/5/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Long An kết luận nguyên nhân tử vong của Nguyễn Tấn L như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: 01 vết thương hở da thấu ngực, kích thước dài 05cm, hở miệng 02cm, đường chéo ở 1/3 giữa xương ức lệch (T), đầu nhọn phía dưới bên (P), đầu tù ở trên bên (T), hướng từ dưới lên, trái qua phải. Bầm tụ máu dưới da và trong cơ ngực tương ứng vết thương hở da. Tại vùng 1/3 giữa xương ức này vết thương làm cắt đứt phần xương ức kích thước dài 05cm. Khoang ngực (P) chứa nhiều máu khoảng 1.500ml máu, nhiều hơn bên (T). Bầm tụ máu dập rách cuống phổi (P). Rách màng ngoài tim, thủng tim kích thước dài 03cm, thấu từ tâm thất (P) xuyên qua tiểu nhĩ (P) và cuống phổi (P). Kết luận nguyên nhân chết: Do vết thương thấu ngực, thủng tim.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số: 119 ngày 23/7/2019 của Trung tâm Pháp y Sở Y tế Long An kết luận thương tích của Nguyễn Tấn Đ như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định: 01 sẹo vết thương hông phải kích thước 04cm x 0,4cm, sẹo lành, sẹo xơ cứng, lồi. Kết luận: Tỷ lệ tổn thương do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 06%.

Tại bản Kết luận giám định bổ sung số 2666/C09B ngày 21/6/2019 của Viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chất lỏng màu vàng chứa trong bình nhựa màu vàng hiệu Mỹ Hảo có thành phần acid Sulfuric (H_2SO_4).

Vật chứng của vụ án gồm: 01 đôi dép nhựa, màu vàng, hiệu HC; 01 đôi dép quai kẹp, màu đen, số 39, hiệu Bodoui; 01 con dao lưỡi kim loại màu trắng, cán nhựa màu đen; 01 đôi dép quai kẹp màu xanh; 01 bình nhựa màu vàng, bên trong chứa dung dịch lỏng.

Tại Bản án số: 56/2019/HS-ST ngày 25/11/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã xử:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 126; các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được khấu trừ thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2019 đến ngày 16/9/2019.

Bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Phạm Văn H không kháng cáo; ngày 05/12/2019 người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L là bà Trần Thị Tuyết M có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy toàn bộ bản án sơ thẩm vì hành vi của bị cáo H là phạm tội “Cố ý gây thương tích” và “Giết người” chứ không phải là “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng”. Ngày 12/12/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Tấn Đ có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xác định Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là không đúng mà phải xác định là bị hại vì bị cáo đã gây thương tích cho Đ là 06%.

Tại Bản án số: 307/2020/HS-PT ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định: Hủy toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số: 56/2019/HS-ST ngày 25/11/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An; chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An để tiến hành điều tra, truy tố, xét xử lại theo đúng quy định của pháp luật. Do hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Giết người” theo Điều 123 và tội “Cố ý gây thương tích” theo Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “Giết người do vượt qua giới hạn phòng vệ chính đáng” theo khoản 1 Điều 126 Bộ luật Hình sự năm 2015 là không đúng với tính chất hành vi của bị cáo và bỏ lọt hành vi tội phạm. Đồng thời, khi tiến hành điều tra lại, Cơ quan Cảnh sát điều tra cần làm rõ tư thế đâm của bị cáo H vì như án sơ thẩm mô tả, khi bị cáo bị Đ chèn tay vào cổ, L dùng hai tay đè vào bụng bị cáo thì bị cáo dùng tay trái với con dao trên tấm ván gần bị cáo rồi chuyển dao sang tay phải và đâm vào bụng Đ. Với tư thế đâm này thì phải đâm vào sườn trái của Đ nhưng kết luận giám định lại thể hiện vết thương của Đ là ở hông bên phải, là có sự mâu thuẫn, vấn đề này cần điều tra làm rõ.

Quá trình điều tra, thực nghiệm hiện trường lại sau khi án Phúc thẩm hủy án Sơ thẩm giao về Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An điều tra truy tố lại theo quy định, Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện điều tra xác định:

Đối với lời khai của bị cáo H, không có gì thay đổi. Kết quả thực nghiệm điều tra động tác H đâm Nguyễn Tấn L và Nguyễn Tấn Đ khi bị Đ và L xô đẩy vào sát vách nhà. H dùng tay trái lấy con dao chuyền qua tay phải đâm trúng hông phải của Đ và đâm trúng ngực của L là phù hợp, vì Đ và L đứng trực diện với H.

Lời khai của Nguyễn Tấn Đ khi điều tra lại có mâu thuẫn: Nguyễn Tấn Đ trước đây khai không nhớ gì. Nay làm việc lại, Đ khai không đúng với thực tế hiện trường, cụ thể: Tại hiện trường không có cái ghế nhựa để H ngồi nói chuyện với Đ. Đ khai H ngồi trên ghế, cầm dao bằng tay trái đâm Đ, nhưng H thuận tay phải.

Đối với lời khai nhân chứng Trương Tấn S khi điều tra lại cũng có mâu thuẫn, không phù hợp: Lúc xảy ra sự việc, S đang ngồi ngoài sân nói chuyện với ông C không thấy gì. Khi điều tra lại thì cho là khi nghe Đ la bị đâm, S chạy vào, từ phía sau lưng L, dù khuất tầm nhìn nhưng S khai thấy H dùng dao đâm trúng vào ngực của L.

Cáo trạng số: 34/CT-VKSLA-P2 ngày 17/12/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố ra trước Tòa án nhân dân tỉnh Long An để xét xử bị cáo Phạm Văn H về tội “Giết người do vượt quá giới hạn phòng vệ chính đáng” quy định tại khoản 1 Điều 126 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An. Về trách nhiệm bồi thường bị cáo đồng ý bồi thường thêm phần tiền tổn thất tinh thần cho người thân bị hại là 149.000.000 đồng, không đồng ý bồi thường tiền thuốc trị bệnh cho ông Nguyễn Văn C1. Đối với Đ bị cáo chỉ bồi thường tiền thuốc theo hoá đơn theo quy định.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại có bà Trần Thị Tuyết M trình bày: Sau khi Nguyễn Tấn L chết, ông Nguyễn Văn C1 và bà Trần Thị Tuyết M lo chi phí mai táng số tiền 93.000.000 đồng, gia đình bị cáo đã bồi thường xong. Ngoài ra bà M còn yêu cầu bị cáo H tiếp tục bồi thường các khoản gồm: Tiền thuốc cho ông Nguyễn Văn C1, là cha của bị hại L, do ông C1 bị bệnh viêm phổi mãn tính phải uống thuốc thường xuyên, với số tiền là 50.000.000 đồng và tổn thất tinh thần 149.000.000 đồng. Tổng cộng là 199.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ trình bày: Do trước đây ông không nhớ nhưng sau này nhớ lại là: Khi ông cùng L và S đến nhà H, H không có nhà, chỉ có vợ H là D cùng 02 con nhỏ và ông Đặng Văn C. Ông lấy chai Mỹ Hảo đổ nước trong bình ra sân nói là acid đe dọa D để kêu D gọi điện kêu H về nhưng D không có điện. Khoảng 10 phút sau, H chạy xe mô tô về đậu trong nhà, rồi đi trở ra chỗ băng đá trước cửa nhà gặp Đ, Đ và H nói chuyện về việc H thiếu nợ tiền không trả. Vợ H đứng cạnh H ẵm con nhỏ khoảng một lúc thì vào nhà, H nói với ông vào nhà nói chuyện, H vào nhà. Lúc này, ông và L theo H vào nhà, tay phải ông cầm bình acid chưa mở nắp, chấp phía sau lưng, H ngồi trên ghế nhựa, ông có dùng tay nắm cổ áo của H, L có dùng hai tay đưa vào bụng H lúc H đang ngồi trên ghế nhựa, sau đó ông yêu cầu L ra ngoài cho ông và H nói chuyện. Khi L ra ngoài thì ông để bình acid xuống đứng nói chuyện với H thì H rút dao từ trong người ra đâm vào bụng ông, ông la lên bỏ chạy ra ngoài thì L và S chạy vào sau đó chạy ra thì L té ngã, ông và S thấy L đã bị đâm vào ngực nên cùng đưa L đi cấp cứu nhưng L đã chết. Ông bị thương tích điều trị yêu cầu bồi thường số tiền thuốc điều trị, tiền mất sức khỏe, mất thu nhập, tổn thất tinh thần. Tổng cộng các khoản là 111.510.000 đồng và có yêu cầu truy tố xét xử H về tội cố ý gây thương tích đối với ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn Diên trình bày: Ông là anh của H. Sau khi đâm chết L, H bị tạm giam nhưng có thông qua vợ là Nguyễn Thị Tuyết D nhờ ông cho mượn tiền bồi thường mai táng cho gia đình L nên ông có đưa 93.000.000 đồng cho gia đình L. Hiện ông chưa có yêu cầu H trả lại.

Người làm chứng ông Trương Tấn S khai: Khi đến nhà H, ông có cùng Đ và L gặp H, khi H và Đ, L vào nhà thì ông có đi theo nhưng Đ bảo ông ra ngoài, một lúc sau ông thấy L cũng ra ngoài, sau đó ông có nghe Đ la bị đâm ông thấy L chạy vào ông cũng chạy vào thì thấy H đâm vào ngực L, L quay lại chạy ra ông cũng quay lại chạy ra đến cửa thì thấy L té ngã nên đã cùng Đ đưa L đi cấp cứu sau đó L đã chết.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Tuyết D trình bày: Khi Đ, L và S đến nhà tìm H thì H không có ở nhà, Đ có yêu cầu bà điện thoại cho H kêu H về nhưng bà không có điện thoại. Đ có cầm bình nhựa bảo là acid và đổ xuống đất sủi bọt bà có thấy. Khi H về, Đ và H gặp nhau H có kêu vào nhà nói chuyện thì bà D có nói với H là coi chừng Đ có mang theo acid cho H nghe. Sau đó, do sợ nên bà ẵm con đi ra sân không dám vào nên không chứng kiến sự việc dẫn đến L và Đ bị đâm.

Theo hình ảnh thu tại hiện trường vụ án tại nơi xảy ra vụ án các ghế nhựa để chồng lại với nhau trên đó có để bao thức ăn gia súc, không có chiếc ghế nào đang sử dụng để ngồi.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 25/5/2022, Tòa án nhân dân tỉnh Long An đã quyết định:

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 125; điểm b, s, i khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 02 (hai) năm tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được khấu trừ thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2019 đến ngày 16/9/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn H tiếp tục bồi thường tổn thất tinh thần cho đại diện gia đình bị hại Nguyễn Tấn L là bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn C1 149.000.000đ (một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của người đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Tấn L yêu cầu bồi thường tiền thuốc trị bệnh viêm phổi mãn tính cho ông Nguyễn Văn C1 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 25/5/2022, bà Trần Thị Tuyết M là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Giết người”; đồng thời, chấp nhận khoản tiền cấp dưỡng cho những người mà người bị thiệt hại có nghĩa vụ cấp dưỡng, ước tính là 50.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 25/5/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử bị cáo Phạm Văn H theo tội “Giết người” hoặc “Cố ý gây thương tích” đối với ông Đ; đồng thời, buộc bị cáo H phải bồi thường thiệt hại các khoản tiền mà ông Đ đã yêu cầu tại cấp sơ thẩm theo quy định tại Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L là Trần Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát với nội dung như sau:

Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đã tuân thủ các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết M là người đại diện hợp pháp của bị hại và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ là hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung yêu cầu kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L là bà Trần Thị Tuyết M và nội dung yêu cầu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ, nhận thấy:

Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*” theo khoản 1 Điều 125 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng quy định pháp luật; mức án 02 (hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo H là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với hành vi bị cáo H dùng dao đâm gây thương tích cho ông Nguyễn Tấn Đ 06%, cũng trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nên chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Về trách nhiệm dân sự cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng quy định pháp luật. Bà Trần Thị Tuyết M là người đại diện hợp pháp của bị hại và ông Nguyễn Tấn Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo nhưng không có tình tiết nào mới nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo bà Trần Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo ông Nguyễn Tấn Đ trình bày:

Luật sư không đồng ý bản án sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn H phạm tội “Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo khoản 1

Điều 125 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, vì không đúng với hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo. Trong vụ án này, Đ chỉ dùng tay trái nắm cổ áo bị cáo H, còn tay phải cầm bình acid có nồng độ rất loãng chưa mở nắp và chập phía sau lưng, bị hại L cũng chỉ dùng hai tay đưa vào bụng H, đẩy H vào trong vách nhà để gây áp lực cho bị cáo trả nợ. Chính bị cáo H đã khai bị cáo không bị đe dọa trả nợ (BL 51). Qua đó thấy rằng, Đ và L không có ý định tấn công và cũng không thực hiện hành vi tấn công bị cáo H và theo quy định tại Nghị quyết số: 04-HĐTP/TANDTC/NQ ngày 29/11/1986 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì hành vi mà Đ và L đã thực hiện như trên không phải là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng đối với bị cáo. Bị cáo H đã có suy tính, chuẩn bị thực hiện ý định giết chết cả Đ và L từ trước. Trước khi bị cáo H đâm Đ và L, bị cáo còn có đủ sự tỉnh táo và thời gian để chuyển con dao từ tay trái sang tay phải là tay thuận của bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội. Cấp sơ thẩm vẫn chưa làm rõ tư thế khi bị cáo đâm các bị hại L và Đ, vì lực đâm rất mạnh thể hiện qua việc cán dao bị gãy và mức độ nghiêm trọng của các vết thương trên cơ thể của các bị hại. Với hành vi như trên, Luật sư thấy rằng đã có đủ cơ sở xác định bị cáo H đã phạm tội “Giết người” có tính chất côn đồ đối với bị hại L và phạm tội “Giết người” (phạm tội chưa đạt) có tính chất côn đồ đối với bị hại Đ, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại đối với bị cáo H đúng với tội danh mà Luật sư đã nêu; đồng thời, buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại thêm cho người đại diện hợp pháp của bị hại L với số tiền 100.000.000 đồng thì mới đúng quy định pháp luật và buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại theo đúng như yêu cầu của bị hại Đ.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H trình bày:

Phạm Văn H vay tiền thì H đã có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã trả lãi cho đến khi không còn khả năng trả nợ. Nguyễn Tấn Đ đã đe dọa H không trả nợ thì Đ sẽ nhờ xã hội đen đòi nợ thay. Thực tế, Đ đã đòi nợ H theo kiểu xã hội đen, thể hiện qua việc, Đ đã rủ Nguyễn Tấn L và Trương Văn S, cả 03 người đã mang theo bình đựng acid loãng kéo đến nhà của H ở khu dân cư thưa thớt để đòi nợ vào buổi tối. Khi đến nhà, H không có nhà, Đ đã lấy bình đựng acid loãng mang theo đổ nước trong bình ra sân và nói là acid đe dọa Đ để đòi tiền và yêu cầu Đ gọi điện kêu H về nhưng Đ không có điện. Khi H về nhà nói với Đ là vào nhà nói chuyện, nhưng khi vào nhà, thì Đ vẫn cầm theo bình acid chưa mở nắp, chập phía sau lưng, còn tay trái thì đẩy vào cổ H, cùng lúc L dùng hai tay đưa vào bụng H, đẩy H vào trong vách nhà không có lối thoát. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*” theo khoản 1 Điều 125 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng người, đúng tội theo quy định pháp luật; mức án 02 (hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã

tuyên phạt đối với bị cáo H là tương xứng với tích chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Đối với hành vi bị cáo H dùng dao đâm gây thương tích cho Nguyễn Tấn Đ 06%, cũng trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, là đúng. Về trách nhiệm dân sự cũng đã được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết đúng quy định pháp luật. Nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác kháng cáo của Trần Thị Tuyết M người đại diện hợp pháp của bị hại và bác kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày phần đối đáp:

Bị cáo Phạm Văn H vay tiền của người khác chứ không phải vay tiền của Nguyễn Tấn Đ, hơn nữa việc vay tiền này bị cáo H đã có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo. Trong trường hợp này, Đ không có quyền đòi nợ H, nhưng đã thực hiện hành vi đòi nợ theo kiểu xã hội đen. Những ý kiến quan điểm trình bày tại phiên tòa phúc thẩm của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo bà Trần Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo ông Nguyễn Tấn Đ, là không có cơ sở. Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm vẫn giữ nguyên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xét xử theo hướng giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đơn kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết M là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ nộp trong thời hạn và đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án ở giai đoạn sơ thẩm đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng, Cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện trong suốt quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm đều là hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Phạm Văn H;

[2.1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phạm Văn H đã thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Xét lời khai nhận tội của bị cáo H phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và tại Cơ quan điều

tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đủ cơ sở xác định:

[2.1a] Mặc dù Phạm Văn H có vay số tiền 50.000.000 đồng của người chị của Nguyễn Tấn Đ, nhưng H đã có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đã trả lãi được 03 tháng đầu mỗi tháng 2.000.000 đồng rồi không khả năng trả tiếp. Như vậy, trong trường hợp này, Đ không có quyền đòi nợ H, nhưng lấy cớ là người đứng ra bảo lãnh nên Đ vẫn thực hiện các hành vi trái pháp luật để đòi nợ H, cụ thể như sau:

Vào khoảng 18 giờ ngày 19/5/2019, Đ mua acid đựng trong bình nhựa hiệu Mỹ Hảo, sau đó về nhà rủ Nguyễn Tấn L (là em ruột) và Trương Tấn S đến nhà H tại ấp Long Ph, xã Tân K, huyện CG, tỉnh Long An để đòi nợ. Khi đi, S điều khiển xe mô tô chở Đ, L chạy một mình, khi chạy gần đến UBND xã Tân K, Đ kêu S ghé tiệm tạp hóa mua 01 đôi găng tay bằng cao su màu cam, cả 03 chạy xe đến nhà H; H không có nhà, chỉ có vợ H là Nguyễn Thị Tuyết D cùng 02 con nhỏ và ông Đặng Văn C nhà ở ấp Tân Phú, xã Tân K, huyện CG đang ở nhà H. Đ lấy chai Mỹ Hảo đổ nước trong bình ra sân nói là acid đe dọa D để đòi tiền, rồi Đ kêu D gọi điện kêu H về nhưng D không có điện.

Khoảng 10 phút sau, H chạy xe mô tô về đậu trong nhà, rồi đi trở ra chỗ băng đá trước cửa nhà gặp Đ, Đ và H nói chuyện về việc H thiếu nợ tiền không trả. Vợ H đứng cạnh H ẵm con nhỏ khoảng 05 phút thì vào nhà, H nói với Đ vào nhà nói chuyện, khi H vào nhà thì D nói với H tui nó có đem theo acid.

Đ và L đi theo H vào nhà, nhưng tay phải Đ vẫn cầm bình acid chưa mở nắp, chấp phía sau lưng, còn tay trái thì đẩy vào cổ H, L dùng hai tay đưa vào bụng H, đẩy H vào trong vách nhà. Khi H bị đẩy vào gần sát vách nhà thì phát hiện con dao Thái Lan có sẵn để trên tấm ván trên các bình nước lọc, nên bị cáo đã lấy được con dao dùng tay phải đâm về phía trước từ dưới lên 01 nhát vào hông phải của Đ và 01 nhát vào ngực trái của L đang đứng đối diện dùng tay tấn công vào cổ và bụng áp chế bị cáo vào vách nhà, dẫn đến L bị tử vong trên đường đưa đi cấp cứu, Đ bị thương tích tỷ lệ 06%.

Hội đồng xét xử nhận thấy, việc Nguyễn Tấn Đ chủ động mua acid là loại hoá chất rất nguy hiểm đựng trong bình nhựa hiệu Mỹ Hảo, rồi rủ Nguyễn Tấn L (là em ruột) và Trương Tấn S cùng đến nhà Phạm Văn H để đòi nợ; sau khi được H mời vào trong nhà nói chuyện, nhưng Đ và bị hại L đã có hành vi dùng tay đẩy cổ và bụng H để đẩy H vào vách nhà, trong khi tay phải Đ vẫn cầm bình nhựa hiệu Mỹ Hảo mà H biết bên trong có chứa acid do chị D đã báo cho H biết trước đó; các hành vi này đều là hành vi trái pháp luật nghiêm trọng dẫn đến trạng thái tinh thần của bị cáo H bị kích động mạnh là có cơ sở. Khi H bị đẩy vào gần sát vách nhà và trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh thì phát

hiện con dao Thái Lan có sẵn để trên tấm ván trên bình nước lọc, nên bị cáo đã lấy con dao dùng tay phải đâm về phía trước từ dưới lên 01 nhát vào hông phải của Đ và 01 nhát vào ngực trái của L đang đứng đối diện dùng tay tấn công vào cổ và bụng áp chế bị cáo vào vách nhà, dẫn đến L bị tử vong trên đường đưa đi cấp cứu, Đ bị thương tích tỷ lệ 06%.

Với hành vi như trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Phạm Văn H phạm tội “*Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*” theo khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật; mức án 02 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo H là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[2.1b] Trong vụ án này, Nguyễn Tấn Đ trước đây khai là không nhớ gì. Khi điều tra lại, lại khai là bị cáo H đã có hành vi ngồi trên ghế nhựa lấy dao đã chuẩn bị sẵn từ trong người ra đâm Đ khi Đ và L không còn có hành vi không chế và đe dọa bị cáo. Trương Tấn S trước đây khai là khi đến nhà bị cáo H, S chỉ ở ngoài với ông C đến khi nghe Đ và L bị đâm mới phát hiện lúc L té ngã trước cửa nhà bị cáo. Khi điều tra lại, Trương Tấn S lại thay đổi lời khai là lúc Đ bị đâm thì L và S ở ngoài, sau khi nghe tiếng la của Đ thì L và S chạy vào, S thấy bị cáo đâm vào ngực L nên quay chạy ra, L cũng chạy ra đến cửa thì bị té ngã.

Theo lời khai của Nguyễn Tấn Đ và Trương Tấn S cho là bị cáo H thực hiện hành vi đâm Đ trước, sau đó đâm bị hại L trong tư thế ngồi trên ghế nhựa màu đỏ trước cái võng tại hiện trường. Tuy nhiên, sau khi vụ án xảy ra Cơ quan Điều tra thu thập được các vật chứng tại hiện trường cụ thể như bình acid, các vết máu, các đôi dép và các bình nước lọc có để tấm ván phía trên sát tường phía trước cái võng không có chiếc ghế nhựa nào trước chiếc võng như Đ và S khai được thực nghiệm điều tra lại sau khi án sơ thẩm bị huỷ mà tại hiện trường sau khi xảy ra vụ án theo hình ảnh được Cơ quan Điều tra thu nhận có 1 chồng ghế nhựa màu đỏ để sát tủ thờ trên đó còn có để 1 bao thức ăn gia súc, chứng cứ này được chị D xác nhận sau khi xem trình chiếu tại phiên tòa sơ thẩm.

Kết quả thực nghiệm điều tra động tác bị cáo H đâm Nguyễn Tấn L và Nguyễn Tấn Đ khi bị Đ và L xô đẩy vào sát vách nhà. Bị cáo H dùng tay trái lấy con dao chuyên qua tay phải đâm trúng hông phải của Đ và đâm trúng ngực của L là phù hợp. Bởi do Đ và L đứng trực diện với bị cáo H, trong đó Đ đứng chếch về phía bên phải bị cáo, đối diện bị cáo, còn L đứng chếch phía bên trái bị cáo, đối diện bị cáo, nên hông phải của Đ và hông trái của L kề sát nhau đối diện phía trước trực diện với bị cáo nên khi bị cáo đâm về phía trước khả năng trúng hông phải của Đ là có căn cứ. Cũng như khi khống chế bị cáo, Đ khống chế phần cổ bị cáo nên có tư thế đứng thẳng hơn L, do L khống chế bị cáo phần

bụng nên thư thế khom người hơn Đ, nên khi bị cáo đâm từ dưới lên ra phía trước Đ bị trúng phần bụng, còn L do khom người hơn nên bị trúng phần ngực là có cơ sở.

Từ những chứng cứ nêu trên xét thấy, kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết M là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử bị cáo Phạm Văn H theo tội “Giết người” là không có cơ sở.

Đối với hành vi bị cáo H dùng dao đâm gây thương tích cho Nguyễn Tấn Đ tỷ lệ 06%, cũng trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh nên không đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh” theo Điều 135 Bộ luật Hình sự, nên cấp sơ thẩm không xử lý bị cáo H về hành vi gây thương tích cho Nguyễn Tấn Đ là có căn cứ. Kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử bị cáo Phạm Văn H theo tội “Giết người” hoặc “Cố ý gây thương tích” là không có cơ sở.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo bà Trần Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo ông Nguyễn Tấn Đ trình bày cho rằng, bị cáo H đã có suy tính, chuẩn bị thực hiện ý định giết chết cả Đ và L từ trước, là không có cơ sở.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

[3.1] Bà Trần Thị Tuyết M là người đại diện theo pháp luật của bị hại L có yêu cầu bị cáo H bồi thường thiệt hại gồm mai táng phí là 93.000.000 đồng, bồi thường tổn thất tinh thần là 149.000.000 đồng và bồi thường 50.000.000 đồng tiền thuốc do ông Nguyễn Văn C1 là cha của bị hại L đang bị bệnh phổi mãn tính, nhưng bị cáo H chỉ đồng ý bồi thường tiền mai táng phí và tổn thất tinh thần theo yêu cầu của bà M. Trong thời gian bị tạm giữ sau khi gây án, bị cáo H đã vận động gia đình bồi thường tiền mai táng phí cho gia đình bị hại là 93.000.000 đồng và đồng ý bồi thường tiếp tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại L 149.000.000 đồng theo yêu cầu của bà M tại phiên tòa sơ thẩm. Bị cáo H không đồng ý bồi thường tiền thuốc trị bệnh viêm phổi mãn tính cho ông C1 cha của bị hại L. Xét thấy bị cáo đồng ý bồi thường tiền chi phí mai táng và tổn thất tinh thần cho gia đình bị hại theo yêu cầu của phía gia đình của bị hại nên Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu của đại diện theo pháp luật của bị hại đối với các khoản tiền này.

Đối với yêu cầu của bà M là người đại diện theo pháp luật của bị hại L yêu cầu bị cáo H bồi thường 50.000.000 đồng tiền thuốc điều trị bệnh viêm phổi

mãn tính cho ông C1 cha của bị hại, Tòa án cấp sơ thẩm xác định yêu cầu này là không phù hợp nên không chấp nhận, là đúng. Kháng cáo của bà M là người đại diện theo pháp luật của bị hại L đối với phần này là không có cơ sở.

[3.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ yêu cầu bị cáo H bồi thường các khoản: Chi phí cho việc cứu chữa: 10.000.000 đồng, Bồi dưỡng phục hồi sức khỏe: 90 ngày x 300.000đ/ngày = 27.000.000 đồng, thu nhập thực tế bị mất 90 ngày x 400.000đ/ngày = 36.000.000 đồng, chi phí người nuôi bệnh 7 ngày x 250.000đ/ngày = 1.750.000 đồng, tổn thất tinh thần 24 tháng lương cơ sở x 1.490.000đ = 36.400.000 đồng; tổng cộng là: 111.510.000 đồng; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, hành vi bị cáo H gây thương tích cho ông Đ không bị xử lý trong vụ án này, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định, ông Đ có quyền khởi kiện vụ án dân sự về đòi bồi thường thiệt hại theo quy định của Bộ luật Dân sự và Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, là đúng. Kháng cáo của ông Nguyễn Tấn Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc bị cáo H phải bồi thường thiệt hại các khoản tiền mà ông Đ đã yêu cầu tại cấp sơ thẩm, là không có cơ sở.

[4] Từ những phân tích và nhận định nêu trên nhận thấy, kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L là bà Trần Thị Tuyết M và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ là không có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L là bà Trần Thị Tuyết M và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ; giữ nguyên bản án sơ thẩm về tội danh, hình phạt và trách nhiệm dân sự đối với bị cáo H.

[5] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện hợp pháp của bị hại có kháng cáo bà Trần Thị Tuyết M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo ông Nguyễn Tấn Đ tại phiên tòa phúc thẩm là không phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Những ý kiến, quan điểm đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với phân tích và nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1- Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị Tuyết M là người đại diện hợp pháp của bị hại Nguyễn Tấn L và không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Tấn Đ; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số: 27/2022/HS-ST ngày 25/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An;

1.1. Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H (tên gọi khác: Út B) phạm tội “*Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 125; các điểm b, s, i khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H (tên gọi khác: Út B) 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án nhưng được khấu trừ thời gian bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/5/2019 đến ngày 16/9/2019.

1.2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 584; Điều 585; Điều 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Phạm Văn H (tên gọi khác: Út B) tiếp tục bồi thường tổn thất tinh thần cho đại diện gia đình bị hại Nguyễn Tấn L là bà Trần Thị Tuyết M và ông Nguyễn Văn C1 149.000.000đ (một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của đại diện theo pháp luật của bị hại Nguyễn Tấn L yêu cầu bồi thường tiền thuốc trị bệnh viêm phổi mãn tính cho ông Nguyễn Văn C1 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

2- Các quyết định về vật chứng, về án phí sơ thẩm và quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định pháp luật.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 10 tháng 10 năm 2022./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Công an tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Long An
(để tổng đạt cho bị cáo);
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu (Án - Trú).

Đỗ Đình Thanh

Các Thẩm phán

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Văn Công Đình Ngọc Thu Hương

Đỗ Đình Thanh